TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DS-ST.
Ngày: 28 – 02 – 2023.
V/v: Tranh chấp hợp đồng
Vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hường
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Văn Trường
2. Ông Nguyễn Văn Tho

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2022/TL.ST-DS, ngày 21 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 04A/2023/QĐ-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc D, sinh năm: 1970; Địa chỉ cư trú: Ấp Mái D, xã Đại Th, thành phố Ngã B, tỉnh Hậu G.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc T, sinh năm: 1960; Địa chỉ cư trú: Ấp An Ph, thị trấn Kế S, huyện Kế S, tỉnh Sóc Tr. Có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Ch (Vắng mặt)
Bà Nguyễn Thị Th (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị B (Ba); Địa chỉ cư trú: Ấp Phú Th, xã Phú H, huyện Châu Th, tỉnh Hậu G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc D, có người đại diện theo ủy quyền ông Trần Quốc T trình bày: Vào ngày 08/02/2021 ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị Th (con gái ông Ch) có đến nhà bà D hỏi vay 7.000.000đồng, để làm vốn mua bán, thời gian vay 30 ngày kể từ ngay vay, các bên có làm biên nhận nợ viết tay, có chữ ký nhận của ông Ch và bà Th, lãi suất thỏa thuận là 2,5%/tháng, khi vay tiền ông Ch có đóng lãi cho bà D đầy đủ đến ngày 12/6/2022 là 525.000đồng, quá trình vay tiền đã đóng lãi được 03 tháng với tổng số tiền là 525.000đồng. Tiếp tục, đến ngày 20/6/2022 ông Ch tiếp tục hỏi vay thêm 50.000.000đồng, mục đích vay làm vốn mua bán, thời gian vay thỏa thuận 30 ngày sau sẽ trả vốn và đóng

thời theo thỏa thuận, hai bên có làm biên nhận nợ viết tay, ông Ch có ký nhận tiền, và con gái ông Ch là bà Thi tự viết biên nhận nợ giùm. Từ ngày 12/6/2022 đến nay thì không tiếp tục đóng tiền lãi suất đến nay. Bà D đã nhiều lần nhắc nhỡ ông Ch nhưng ông Ch nói ông bị bể nợ nên không có tiền đóng lãi đến nay.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Buộc ông Nguyễn Văn Chanh, bà Nguyễn Thị Bọ, bà Nguyễn Thị Thi trả số tiền vay 7.000.000đồng và tiền lãi suất tính từ ngày 12/6/2022 đến ngày xét xử, với mức lãi suất 1,6%/tháng x 08 tháng là 896.000đồng.

2/ Buộc ông Nguyễn Văn Chanh, bà Nguyễn Thị Bọ trả số tiền vay 50.000.000đồng và tiền lãi suất tính từ ngày 12/6/2022 đến ngày xét xử, với mức lãi suất 1,6%/tháng x 08 tháng là 6.400.000đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Ch vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.
- Bị đơn bà Nguyễn Thị Thi vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.
- Tại biên bản ghi lời khai bà Nguyễn Thị Bọ trình bày: Bà có nghe nói chồng bà là Nguyễn Văn Ch và con gái bà là Nguyễn Thị Thi đi hỏi vay tiền của bà Nguyễn Ngọc D ở thành phố Ngã Bảy, mục đích vay tiền là để trả nợ cho Thi, chứ không có đem tiền về để sử dụng chung trong gia đình, cũng không có sử dụng làm vốn mua bán gì, số tiền nợ này là do ông Ch và Thi tự quyết, bà không biết gì về vấn đề này nên không đồng ý cùng trả nợ với ông Ch và Thi.

*** Tại phiên tòa:**

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Trần Quốc Tặng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý trừ số tiền lãi 525.000đồng vào tổng số tiền lãi mà Hội đồng xét xử tính.
- Bị đơn ông Nguyễn Văn Chanh, bà Nguyễn Thị Thi vắng mặt nên không có ý kiến.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bọ vắng mặt nên không có ý kiến.
- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Các đương sự chấp hành đúng quy định. Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị Th đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B có yêu cầu xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 tiến hành xét xử vắng mặt ông Ch, bà B, bà Th.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Các Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xét xử; Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Diệu. Buộc ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị Th trả số tiền nợ gốc 7.000.000đồng và tiền lãi suất theo quy định. Buộc ông Nguyễn Văn Ch trả số tiền nợ gốc 50.000.000đồng và tiền lãi suất theo quy định. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc D khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị Th trả 57.000.000đồng tiền vay và tiền lãi suất theo quy định. Các bên đương sự không thỏa thuận được nên phát sinh tranh chấp. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị Th đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B (Ba) có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 tiến hành xét xử vắng mặt ông Ch, bà Th, bà B.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về số tiền nợ gốc: Hợp đồng vay tài sản giữa bà D và ông Chanh, bà Thi được thiết lập dựa trên sự tự nguyện thỏa thuận giữa đôi bên nên hợp đồng này là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc D yêu cầu ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị B trả 7.000.000đồng tiền vay. Xét biên nhận nợ được lập ngày 08/02/2021 thể hiện nội dung ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị Th (con ông Ch) có vay số tiền 7.000.000đồng, hai bên có làm biên nhận nợ viết tay, mục đích vay làm vốn mua bán, thời gian vay thỏa thuận là 30 ngày kể từ ngày vay trả đủ vốn và đóng lãi suất theo thỏa thuận là 2,5%/tháng, phía dưới biên nhận có ký tên người vay là ông Ch, bà Th. Việc vay tiền trên nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn trả nợ nhiều lần nhưng vẫn không trả. Và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B (vợ ông Chanh) xác định vay giùm Th để Th trả nợ, không có đem tiền về để sinh hoạt thiết yếu gia đình, cũng không phải làm vốn mua bán và không đồng ý cùng trả nợ với ông Ch bà Th, nguyên đơn cũng không chứng minh được mục đích vay tiền của ông Ch, bà Th có liên quan đến bà B do đó chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu này của bà D. Buộc ông Ch, bà Th có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 7.000.000đồng cho bà Diệu.

Xét biên nhận nợ lập ngày 12/6/2022, bà Nguyễn Ngọc D có cho ông Nguyễn Văn Ch vay 50.000.000đồng, hai bên có làm biên nhận nợ viết tay, mục đích vay làm vốn mua bán, thời hạn thỏa thuận trả là 30 ngày kể từ ngày vay, phía dưới có chữ ký nhận của ông Ch và người làm chứng đồng thời là người viết dùm biên nhận nợ cho ông Ch có bà Nguyễn Thị Thi. Việc vay tiền trên nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn trả nợ nhiều lần nhưng vẫn không trả. Và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bọ (vợ ông Ch) xác định số tiền trên ông Ch đứng ra vay giùm Th để Th trả nợ, không có đem tiền về để sinh hoạt thiết yếu gia đình, cũng không phải làm vốn mua bán và không đồng ý cùng trả nợ với ông Ch bà Thi, nguyên đơn cũng không chứng minh được mục đích vay tiền của ông Chanh, bà

Th có liên quan đến bà B do đó chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu này của bà D. Buộc ông Ch có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 50.000.000đồng cho bà D.

Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Như vậy, nguyên đơn yêu cầu ông Ch, bà Th thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay là có căn cứ chấp nhận một phần.

[3.2] Xét yêu cầu tính tiền lãi suất: Các bên có thỏa thuận lãi suất cho vay 2,5%/tháng trên số tiền vay là vượt theo quy định. Tại phiên tòa chỉ yêu cầu tính lãi suất là 1,6%/tháng là phù hợp với quy định nên có căn cứ xem xét.

[3.2.1] Về yêu cầu tính trả tiền lãi suất đối với số tiền 7.000.000đồng tính từ ngày 12/6/2022 đến ngày xét xử là 28/02/2023: 08 tháng là có căn cứ chấp nhận. Buộc ông Chanh, bà Th có nghĩa vụ trả tiền lãi cho bà D số tiền: 7.000.000đồng x 08 tháng x 1,6% = 896.000đồng – 525.000đồng = 371.000đồng.

[3.2.2] Về yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 50.000.000đồng tính từ ngày 12/6/2022 đến ngày xét xử là 28/02/2023: 08 tháng là có căn cứ chấp nhận. Buộc ông Chanh, bà Bọ có nghĩa vụ trả tiền lãi cho bà D số tiền: 50.000.000đồng x 08 tháng x 1,6% = 6.400.000đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi: Ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị Th phải trả cho bà Nguyễn Ngọc D là: 7.000.000đồng + 371.000đồng = 7.371.000đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi: Ông nguyễn Văn Ch phải trả cho bà Nguyễn Ngọc D là 50.000.000đồng + 6.400.000đồng = 56.400.000đồng.

[4] Về án phí: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn Chanh, bà Nguyễn Thị Th chịu: 368.550đồng.

Ông Nguyễn Văn Chanh, bà Nguyễn Thị Bọ chịu: 2.820.000đồng.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 273, Điều, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Các Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử : Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Diệu.

3. Buộc ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Ngọc D số tiền vay và tiền lãi là 7.371.000đồng.

4. Buộc ông Nguyễn Văn Ch có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Ngọc D số tiền vay và tiền là 56.400.000đồng.

5. Kể từ ngày người có quyền yêu cầu Th hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị yêu cầu thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm

trả tại thời điểm thanh toán, lãi suất được áp dụng theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

6. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn Chanh, bà Nguyễn Thị Th chịu: 368.550đồng.

Ông Nguyễn Văn Chanh, bà Nguyễn Thị Bọ chịu: 2.820.000đồng.

Bà Nguyễn Ngọc D được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0010906 ngày 16/01/2023 và 1.425.000đồng theo biên lai thu số 0010832 ngày 21/12/2022 tại Chi cục thi hành án huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án 28/02/2023; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS H.Châu Thành;
- VKSND H.Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hường